

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 02/2019/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất năm 2018

Kiên Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: 14A, Ấp Tân Điền, Xã Giục Tượng, Huyện Châu Thành, Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3912128 Fax: (0297) 3912988
- Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cả năm 2018 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

I. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018:

Bảng so sánh lợi nhuận giữa năm 2018 và năm 2017:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,140,091,400,709	1,113,196,355,556	26,895,045,153	2
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,524,386,839	2,506,449,184	(982,062,345)	(39)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,138,567,013,870	1,110,689,906,372	27,877,107,498	3
4. Giá vốn hàng bán	11	1,034,586,076,699	1,018,835,830,864	15,750,245,835	2
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	103,980,937,171	91,854,075,508	12,126,861,663	13
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,157,367,601	2,036,749,192	(879,381,591)	(43)
7. Chi phí tài chính	22	17,620,420,342	17,294,451,466	325,968,876	2
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	15,507,863,868	16,080,336,450	(572,472,582)	(4)
9. Chi phí bán hàng	25	32,052,611,598	34,404,407,181	(2,351,795,583)	(7)

10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26,116,603,219	23,412,461,641	2,704,141,578	12
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	29,348,669,613	18,779,504,412	10,569,165,201	56
12. Thu nhập khác	31	6,834,080	2,182,387	4,651,693	213
13. Chi phí khác	32	227,725,633	1,933,063,109	(1,705,337,476)	(88)
14. Lợi nhuận khác	40	(220,891,553)	(1,930,880,722)	1,709,989,169	(89)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29,127,778,060	16,848,623,690	12,279,154,370	73
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	99,072,996	100,729,991	(1,656,995)	(2)
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(99,072,996)	(99,072,996)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	29,127,778,060	16,846,966,695	12,280,811,365	73
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	32,553,035,881	26,478,605,546	6,074,430,335	23
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(3,425,257,821)	(9,631,638,851)	6,206,381,030	(64)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,586	2,530	56	2
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2,586	2,530	56	2

Lợi nhuận sau thuế cả năm 2018 theo BCTC hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017, do ảnh hưởng kết quả sản xuất kinh doanh của công ty con, cụ thể:

- Lỗ của công ty con AOKI năm 2018 - 6,990,322,084 , so với Lỗ cùng kỳ của công ty con AOKI năm 2017 - 19,656,405,819 084. Giảm lỗ 12,666,083,735, do các nguyên nhân như sau:
- Tỷ lệ giá vốn/doanh thu năm 2018: 92,7% so với tỷ lệ giá vốn/doanh thu cùng kỳ năm 2017 : 96,5% , nguyên nhân do việc mở rộng đại lý thu mua nguyên liệu làm giảm giá nguyên liệu đầu vào, nên giá thành sản phẩm giảm.
- Chi phí bán hàng giảm 11% so với cùng kỳ năm 2017 do giảm chi phí, lưu kho, chi phí cước tàu, và chi phí hoa hồng môi giới.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cả năm 2018 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ
		Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	355,592,456,963	325,185,175,655	30,407,281,308	9
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,325,597,975	-	1,325,597,975	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	354,266,858,988	325,185,175,655	29,081,683,333	9
4. Giá vốn hàng bán	11	329,469,331,919	313,841,261,699	15,628,070,220	5

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	24,797,527,069	11,343,913,956	13,453,613,113	119
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,109,353,104	634,034,750	475,318,354	75
7. Chi phí tài chính	22	9,115,090,518	6,523,491,296	2,591,599,222	40
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	7,293,719,237	5,931,954,348	1,361,764,889	23
9. Chi phí bán hàng	25	16,335,012,420	18,376,566,585	(2,041,554,165)	-11
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,446,841,630	6,530,002,769	916,838,861	14
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(6,990,064,395)	(19,452,111,944)	12,462,047,549	-64
12. Thu nhập khác	31	-	136,363,636	(136,363,636)	-100
13. Chi phí khác	32	257,689	340,477,511	(340,219,822)	-100
14. Lợi nhuận khác	40	(257,689)	(204,113,875)	203,856,186	-100
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(6,990,322,084)	(19,656,225,819)	12,665,903,735	-64
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	180,000	(180,000)	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(6,990,322,084)	(19,656,405,819)	12,666,083,735	-64

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh có lãi và lợi nhuận trong năm 2018 chênh lệch tăng so với năm 2017.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH